

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ - ST
Ngày 25 – 01 – 2021
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Châu Trung Trực.
2. Bà Phạm Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số: 565/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2020 về việc “tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị Ch, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Phan Thanh C (Phan Thành C), sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Hà Thị Ch trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Ch và anh Phan Thanh C (Phan Thành C) tự nguyện chung sống với nhau năm 2007, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng về sau xảy ra nhiều mâu thuẫn, mặc dù thân tộc hai bên nhiều lần góp ý hàn gắn nhưng không thành. Hiện chị Ch và anh C đã ly thân với nhau gần 02 năm, từ đó tình cảm giữa chị và anh C không còn gắn bó, thương yêu nhau, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai còn có trách nhiệm với ai. Nay chị Ch yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là Phan Quang M, sinh ngày 14/10/2009, hiện con chung đang sống cùng với chị Ch. Sau khi ly hôn, chị Ch yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Phan Thanh C (Phan Thành C): Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh C nhưng anh C không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị Ch và không tham gia hòa giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Hà Thị Ch có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Phan Thanh C đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị Ch và anh C chung sống với nhau vào năm 2007 nhưng không đăng ký kết hôn. Theo chị Ch, nguyên nhân mâu thuẫn là quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, mặc dù thân tộc hai bên nhiều lần góp ý hàn gắn nhưng không thành và anh chị đã ly thân với nhau gần 02 năm. Từ đó tình cảm của anh chị không còn gắn bó, yêu thương nhau nên chị Ch xin được ly hôn với anh C.

Xét thấy, theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng...”*. Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến chị Ch xin ly hôn mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các đương sự là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị Ch yêu cầu được nuôi con chung là Phan Quang M, sinh ngày 14/10/2009. Xét thấy, từ khi anh chị ly thân thì cháu M đã sống ổn định cùng với chị Ch, đồng thời tại biên bản ghi nguyện vọng của Phan Quang M thể hiện cháu M có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Ch khi cha, mẹ ly hôn. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao Phan Quang M cho chị Ch tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp về vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ch xác định không có, anh C không có ý kiến gì nên không đặt ra xem xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp về các vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Hà Thị Ch phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 và khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Hà Thị Ch và anh Phan Thanh C (Phan Thành C) là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao Phan Quang M, sinh ngày 14/10/2009 cho chị Hà Thị Ch tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Anh C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Hà Thị Ch phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011584 ngày 27/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ; chị Ch đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hồ Dũng Liêm